TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2017/HSST
Ngày: 15/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Công Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Hoan**
2. Ông **Trần Công Trung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phùng Thị Huyền Minh** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2017/HSST ngày 02/11/2017 đối với các bị cáo:

1/ Trần Đình T; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; sinh năm: 1985, tại TP.H; thường trú: 1808 K, phường P, quận T, Thành phố H; chỗ ở: không nơi ở nhất định; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Trần Thị Minh N; có vợ: Châu Thị Huyền K (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm: 2006; nhỏ sinh năm: 2010; nhân thân: Ngày 30/9/2002 bị TAND TP.H xử phạt 05 năm tù về các tội "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng"; Ngày 17/4/2007 bị TAND quận X, TP.H xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; Ngày 09/9/2011 bị TAND quận B, TP.H xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" chấp hành xong ngày 10/10/2014; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 – Có mặt.

2/ Đặng Minh T; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; sinh năm: 1988, tại TP.H; thường trú: 244A L, phường 10, quận X, Thành phố H (đã bị xóa hộ khẩu năm 2004); chỗ ở: không nơi ở nhất định; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; con ông Đặng Văn T và bà Danh Thị X; vợ, con: chưa có; nhân thân: Ngày 28/11/2008 bị TAND quận T, TP.H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; Ngày 21/9/2011 bị TAND quận T, TP.H xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" chấp hành xong ngày 16/6/2014; tiền án: không; tiền sự: Ngày 29/6/2015 bị TAND quận T, TP.H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính "đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" thời hạn 24 tháng, đến ngày 03/6/2017 chấp hành xong; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 – Có mặt.

Người bị hại:

Em Trần Thị Hồng Th; sinh ngày: 05/4/2000; trú tại: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T– Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Trần Văn D; sinh năm: 1977; trú tại: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T– Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đoàn Anh V; sinh năm: 1985; trú tại: B9/2A, ấp 2, xã V, huyện B, Thành phố H – Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 08 giờ ngày 10/6/2017, Đặng Minh T điều khiển xe gắn máy biển số 59N1 – 241.02 chở Trần Đình T đi uống cà phê. Khi cả hai đang lưu thông trên đường T, phường P, quận T hướng ra đường A thì T nhìn thấy em Trần Thị Hồng T, sinh ngày 05/4/2000 đang đứng nghe điện thoại di động trước nhà số 141 T, nên chỉ cho T thấy và rủ T cướp giật, T đồng ý và điều khiển cho xe chạy lên lề đường, ép sát vào trước mặt em T để T ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại của em T , xong T tăng ga cho xe bỏ chạy đến trước nhà số 137 đường T thì bị lạc tay lái nên cả hai bị té ngã, chiếc điện thoại T vừa giật được văng xuống đường. T và T bỏ xe chạy bộ thì cả hai bị quần chúng nhân dân bắt giữ giao Công an giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đình T và Đặng Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thuộc UBND quận T, có trị giá 4.000.000đ đã trả lại cho bị hại Trần Thị Hồng T.
- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Yamah Luvias màu đỏ đen, biển số 59N1 – 241.02, là phương tiện phạm tội. Qua xác minh thể hiện chiếc xe trên do anh Chiêm Tấn T, sinh năm 1993 trú tại Chung cư L, phường 11, quận X đứng tên sở hữu. Anh T khai chiếc xe trên đã bán lại cho anh Đoàn Anh V vào ngày 10/3/2016, khi bán xe hai bên có lập hợp đồng công chứng. Anh V khai nhận ngày 10/6/2017 cho T mượn xe đi công chuyện, việc T dùng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản anh không biết. Xét thấy chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Đoàn Anh V, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lải xe cho anh V.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S thu giữ của bị cáo T, không liên quan đến vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 31/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H đã truy tố các bị cáo Trần Đình T và Đặng Minh T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng

điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng Minh T từ 04 đến 05 năm tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất các biện pháp xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đươc thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, Tdiện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Đình T và Đặng Minh T khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 10/6/2017, Tđiều khiển xe gắn máy chở T đi uống cà phê. Khi cả hai đang lưu thông trên đường T thì T phát hiện thấy em Trần Thị Hồng T đang đứng nghe điện thoại di động trước nhà số 141, nên chỉ cho Tthấy và rủ Tcướp giật, Tđồng ý và cho xe chạy lên lề đường, ép sát vào người em T để T giật điện thoại của em T , xong Ttăng ga cho xe bỏ chạy đến trước nhà số 137 đường T thì bị té ngã và cả hai bị chúng nhân dân bắt giữ giao Công an giải quyết.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Đình T và Đặng Minh T phạm tội "Cướp giật tài sản", như bản cáo trạng đã truy tố. Do các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật điện thoại của người bị hại đang đứng bên lề đường, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe của người bị hại cũng như của những người khác đang tham gia giao thông, đây là thủ đoạn phạm tội nguy hiểm, nên Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố các bị cáo Trần Đình T và Đặng Minh T theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh. Lợi dụng sơ hở của người bị hại mang theo tài sản khi ra đường, các bị cáo đã dùng phương tiện xe gắn máy, công khai cướp giật, chiếm đoạt tài sản ngay trên đường giao thông, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng thuộc T hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo T , Tcùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy rằng bị cáo T là người chủ động rủ bị cáo Tthực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng là người trực tiếp cướp giật, chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo T khi được bị cáo T rủ đã đồng ý tham gia một cách tích cực, là người điều khiển xe máy ép sát vào người bị hại, tạo điều kiện cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người giữ vai trò chính, nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo T .

Về nhân thân: Cả hai bị cáo là những người có nhân thân rất xấu. Bị cáo T đã có 03 tiền án: Ngày 30/9/2002 bị TAND TP.H xử phạt 05 năm tù về các tội "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng"; Ngày 17/4/2007 bị TAND quận 5, TP.H xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; Ngày 09/9/2011 bị TAND quận B , TP.H xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" chấp hành xong ngày 10/10/2014.

Bị cáo Tcó 02 tiền án: Ngày 28/8/2008 bị TAND quận T, TP.H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; Ngày 21/9/2011 bị TAND quận T, TP.H xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" chấp hành xong ngày 16/6/2014.

Mặc dù tính đến lần phạm tội này các tiền án nêu trên của các bị cáo đã được xóa, nhưng đây cũng là điều cần lưu ý đối với các bị cáo khi lượng hình.

Ngoài ra bị cáo Tcòn có 01 tiền sự: Ngày 29/6/2015 bị TAND quận T, TP.H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính "đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" với thời hạn 24 tháng, đến ngày 03/6/2017 chấp hành xong, nên lần phạm tội này phải xử lý nghiêm.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét cả hai bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm g điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cướp giật trong vụ án là 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản, có trị giá 4.000.000 đồng, đã được Công an quận T thu hồi trả lại cho người bị hại là em Trần Thị Hồng T. Em T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm có:

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng, đã trả lại cho người bị hại Trần Thị Hồng T.

Đối với 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Yamah Luvias màu đỏ đen, biển số 59N1 – 241.02, là phương tiện phạm tội. Qua xác minh thể hiện chiếc xe trên do anh Chiêm Tấn Thanh, sinh năm 1993 trú tại Chung cư L, phường 11, quận X đứng tên sở hữu. Anh Thanh khai chiếc xe trên đã bán lại cho anh Đoàn Anh V vào ngày 10/3/2016, khi bán xe hai bên có lập hợp đồng công chứng. Anh Vkhai nhận ngày 10/6/2017 cho T mượn xe đi công chuyện, việc T dùng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản anh không biết. Xét thấy chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Đoàn Anh V, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lại xe cho anh V.

Các vật chứng nêu trên đã được trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, thu giữ của bị cáo T , bị cáo khai mua để liên lạc hàng ngày, không sử dụng vào việc phạm tội. Xét

đây là vật không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo Đặng Minh T, theo quy định tại điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình T và Đặng Minh T phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Trần Đình T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 10 tháng 6 năm 2017

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Đặng Minh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 10 tháng 6 năm 2017

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả cho bị cáo Đặng Minh T chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng, số Imel: 013887000749130, theo phiếu nhập kho vật chứng số 213/PNK ngày 12/6/2017 của Công an quận T.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Đình T và Đặng Minh T, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Người bị hại; Người đại diện hợp pháp của người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Công Huân

Nơi nhận:
- Bị cáo
- VKS Q.T.
- THA quận T.
- Công an Q.T
- P.PC27-CATP
Sở Tư pháp TP.H
- Lưu hồ sơ